

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 12 -9-2017

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

Giữa A và B”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng .

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Ông Vũ Hồng Điều

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Nguyễn Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 335/2017/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2017, về việc tranh chấp “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/QĐXX-ST, ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp X , xã Y, huyện Z, tỉnh Long An

Bị đơn: Anh B , sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện Z, tỉnh Long An

(Các đương sự triệu tập có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị A trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại Tòa án và nộp các tài liệu chứng cứ yêu cầu giải quyết như sau:

Chị A, anh B xác lập quan hệ hôn nhân năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Long An..

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung bên gia đình của anh B, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B không quan tâm chăm sóc gia đình, đi làm nhưng không phụ tiền để nuôi con, mỗi lần anh B đi uống rượu về kiếm chuyện gây gổ và đánh chị, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên không tìm được biện pháp giải quyết nên chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2017. Nay chị A không thể tiếp tục chung sống với anh B và yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị A, anh B chung sống có 01 con chung tên Võ Trung Q, sinh ngày 02/5/2011. Hiện tại anh B đang trực tiếp tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Sau khi ly hôn, chị A đồng ý để cháu Q cho anh B được tiếp tục nuôi con chung, và đồng ý cấp dưỡng hàng tháng

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng chung sống không có nợ ai và cũng không ai nợ hai anh chị.

Tài liệu chứng cứ chị B cung cấp cho Tòa án gồm: 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh con; Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

Bị đơn anh B trình bày tại biên bản hòa giải ngày 8/8/2017 và cũng như tại phiên tòa thống nhất với chị A về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, con chung, còn về mâu thuẫn là do chị A đi làm mượn tiền tiêu xài riêng, có người đến nhà đòi nợ từ đó vợ chồng cãi vả nhau, chị A bỏ nhà đi từ 1/2017 cho đến nay. Từ khi chị A bỏ đi cho đến nay không có lần nào về thăm con. Anh B xét mâu thuẫn giữa anh và chị A không có gì nghiêm trọng, anh vẫn còn thương vợ, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con.

Về nuôi con chung: Anh và chị A chung sống sinh được 01 con chung như lời trình bày của chị A là đúng.

Về tài sản chung; Nợ chung: Anh B xác định không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị: Chấp nhận xin hôn của chị A

Về nuôi con chung: Giao con Võ Trung Q, cho anh B được nuôi con. Chị A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Chị Bé và anh B không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị A khởi kiện ly hôn với anh B. Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “*Ly hôn*”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Về nội dung tranh chấp:

[2] Chị A, anh B xác lập quan hệ vợ chồng năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 10, ngày

15/2/2011. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B, Hội đồng xét xử xét thấy hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian dài chung sống, nhìn chung có đảm bảo hạnh phúc, sinh được 01 con chung. Do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và tính tình không hợp nhau, từ đó dẫn đến cãi vã nhau hai anh chị không tìm được biện pháp giải quyết và vẫn sống ly thân từ 1/2017. Chị A quyết định nộp đơn khởi kiện ly hôn và tại phiên tòa, vẫn kiên quyết ly hôn, tại phiên tòa anh B không đồng ý. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2017 của Tòa án đối với chị Phan Thị Thu M thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị A và anh B là do anh B không lo làm ăn, thường xuyên đi chơi, uống rượu, mỗi lần uống rượu kiếm chuyện gây gổ với chị A, chị A bỏ đi và đến nhà chị Mai thì anh B đi theo và xảy ra xô xát, sự việc xảy ra xô xát đã xảy ra nhiều lần. Chị A và anh B đã ly thân từ 1/2017 cho đến nay. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A.

[4] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa chị A và anh B trình bày thống nhất quá trình chung sống có 1 con chung tên Võ Trung Quân, sinh ngày: 02-5-2011, hiện tại anh B đang nuôi cháu Q, sau khi ly hôn chị A không yêu cầu nuôi con, đồng ý để cháu Q cho anh B nuôi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ từ khi cháu Q sinh ra sống chung với anh B và chị A, và từ 1/2017 cho đến nay anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Q phát triển bình thường, và hiện tại anh B làm công nhân nên có mức lương ổn định, do đó chấp nhận yêu cầu của chị A là để cho anh B tiếp tục nuôi cháu Q.

[5] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Hiện tại chị A có nghề may gia công mỗi tháng thu nhập khoản 6.000.000đ. chị A tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000đ, xét thấy mức cấp dưỡng chị A đã cao hơn mức cấp dưỡng tối thiểu quy định, nghĩ nên chấp nhận.

[6] Tài sản chung; Nợ chung: Chị A, anh B đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 9; Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị A với anh B

1. Về hôn nhân: Cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Võ Trung Q, sinh ngày 02/5/2011 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng chị Acó trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000đ, thời gian tính từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp phí tổn nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí chị A đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05475 ngày 18/7/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước, chị A phải nộp tiếp 300.000đ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng

